

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ngọc D**, sinh năm 1982

Địa chỉ: **ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

- Bị đơn: Ông **Võ Hữu N**, sinh năm 1981 (1982)

Địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Thị Ngọc D** và ông **Võ Hữu N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung tên **Võ Ngọc T**, sinh ngày 26/3/2016 cho nguyên đơn bà **Lê Thị Ngọc D** nuôi dưỡng.

Đối với con chung tên **Võ Hữu N1**, sinh ngày 25/7/2003 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu, nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), phần án phí này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, lai số 0005650, ngày 16/02/2024. Hoàn trả lại cho nguyên đơn 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mang Thít;
- UBND thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Bích